TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2021
"Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghề
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Đào;
2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 394/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2020 về: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1966 (có mặt);
Bị đơn: Ông Hồ Văn L, sinh năm 1964 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết S trình bày:

Sau thời gian tự tìm hiểu, bà và ông Hồ Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1984 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L thường xuyên nhậu nhẹt say sỉn rồi về kiếm chuyện với vợ con và còn dùng bạo lực với bà nhiều lần nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vợ chồng cũng ly thân từ năm 1996 cho đến nay. Nay, bà nhận thấy hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu ly hôn.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Hồ Thị Mộng Đ – sinh năm 1989 và Hồ Thanh L – sinh năm 1990, 02 con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Tài sản chung: Bà S xác định vợ chồng tự thỏa thuận.

Nợ chung: Bà S xác định không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết S yêu cầu ly hôn với ông Hồ Văn L; Về con chung, cả 02 con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu gì; Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung, bà S xác định không có nên không yêu cầu.

Đối với bị đơn ông Hồ Văn L không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông L không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Tuyết S được ly hôn với ông Hồ Văn L; Về con chung, cả 02 con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu gì nên không xem xét; Về tài sản chung, bà S xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung, bà S xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên bà Nguyễn Thị Tuyết S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hồ Văn L được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Ông Hồ Văn L với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết S và ông Hồ Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng 1984 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành Nghị Quyết số

35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết S xin được ly hôn với ông Hồ Văn L vì lý do ông L thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn rồi gây chuyện vô cớ với vợ con và còn đánh bà nhiều lần làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đối với ông Hồ Văn L, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng ông L đều không có mặt.

Tại phiên tòa, bà S khai rõ, thời gian vợ chồng ly thân ông bà không gặp nhau để hàn gắn hôn nhân, bà cũng không thể chấp nhận một người chồng hay dùng bạo lực gia đình để giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống, vì vậy, bà S cương quyết ly hôn với ông L. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau nhiều năm chung sống, giữa bà S và ông L đã không còn duy trì được tình cảm yêu thương dành cho nhau nữa, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra cụ thể là những lần ông L dùng bạo lực đối với bà S, tuy không gây thương tích nặng nhưng đã thể hiện được sự trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân của ông bà, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà S xác định, ông bà có 02 con chung tên Hồ Thị Mộng Đ – sinh năm 1989 và Hồ Thanh L – sinh năm 1990, 02 con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà S không yêu cầu gì do đó không xem xét.

[4] Về tài sản chung, bà S xác định ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung, bà S xác định ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết S phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Tuyết S được ly hôn với ông Hồ Văn L.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết S phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005225, ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Nguyễn Thị Tuyết S đã nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/3/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *UBND xã V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Nghề